

Bản án số: 108/2017/HSST

Ngày: 11/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Hà
2. Ông Hoàng Đức Cảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến và bà Đồng Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T thành phố H Phòng, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 56/2017/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Anh D, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 6, xã A, huyện T, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Lê Thị K, sinh năm 1958; có vợ: Mỹ Thị H, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Bản án số 25 ngày 12/8/2008 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H Dương xử phạt Phạm Anh D 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, trị giá tài sản là 2.160.000 đồng. Ngày 08/12/2009 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 02/3/2009 nộp xong án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích). Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2017 đến ngày 18/01/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Trần Văn L, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 5, xã A, huyện T, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: 9/12; con ông Trần Văn M, sinh năm 1965 và bà Mạc Thị T, sinh năm 1970; có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1996 (kết hôn ngày 21/3/2017), chưa có con; chưa có tiền án, tiền sự. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/02/2017; có mặt.

Người bị hại: Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 7, xã C, huyện T, thành phố H Phòng; có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố H Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/01/2016 Phạm Anh D điều khiển xe ô tô của nhà xe Anh Vũ đến xã C, huyện T để chở khách phục vụ đám cưới. D đỗ xe ở trước ngõ vào nhà anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1994, ở thôn 7, xã C, huyện T. Cho rằng D điều khiển xe với tốc độ cao và gây ồn ào nên Mạc Thanh Th, sinh năm 1992 và Mạc Tuấn A, sinh năm 1998 đều ở xã Hợp Thành, huyện T đi từ nhà anh H (T và TA đang ngồi uống rượu tại nhà H) ra yêu cầu D xuống xe. Do say rượu nên T và Tuấn A xông vào dùng tay, chân đâm, đá vào mặt, người D. Lúc này, H cùng Phạm Văn T, sinh năm 1987 và Hoàng Phú C, sinh năm 1970 đều ở xã C vào can ngăn nên T và Tuấn A không đánh D nữa, còn D bỏ về nhà.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày anh H gọi điện cho D để nói chuyện xô xát đánh nhau và giải hòa. H nói: “Hai thằng em bên em không nhận sai, anh cũng không nhận sai cần phải gặp mặt xin lỗi làm gì” thì D nói với H: “Mày T làm sao, mày có bao nhiêu thằng gọi hết ra đây”. Sau đó D và H tiếp tục nhắn tin thách thức nhau. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày D đã gọi điện cho Trần Văn L và nói: “Mày ở đâu về chở chú xuống C xử lý bọn này, chiều nó đánh chú”. Do quen biết với anh H nên L nói: “Những người này là anh của cháu, cháu không đi cùng chú được. Nếu đi thì cháu chỉ chở chú đến chứ không tham gia đánh nhau”. L đồng ý chở D đến nhà anh H. Sau đó, L điều khiển xe mô tô BKS 15G1-394.79 từ Công ty Aurora ở TX, xã T đến nhà D ở khu vực đường mới, xã A thì thấy D đã chờ sẵn ở ngõ. D lấy ở khu vực bụi chuối gần nhà 01 tuýp sắt dài 72cm, dạng tuýp tròn và 01 thanh kiếm bằng kim loại, dài 96 cm, lưỡi cong, mũi nhọn để trong vỏ kiếm màu đen cùng L đến nhà anh H.

Khi đi, D điều khiển xe mô tô BKS 15G1-394.79 chở L, còn L ngồi sau cầm kiếm và tuýp sắt. Đến nhà H, D dặn L: “Khi nào chú chạy ra thì nổ máy xe đi”. L đồng ý và ngồi ngoài chờ. D cầm kiếm và tuýp sắt đi vào nhà anh H gọi: “Anh H ơi” thì thấy anh H đi ra cầm theo 01 vật sáng màu. D rút kiếm ra khỏi vỏ, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm vỏ kiếm và tuýp sắt. D cầm kiếm xông vào đuổi, chém 2 đến 3 nhát về phía người anh H, gây xước da ở cánh tay phải, ngực và phần bụng phía bên phải. Anh H chạy vào nhà vệ sinh dùng tay trái đưa về phía sau để đóng cửa lại. D đuổi theo tiếp tục dùng kiếm chém 01 nhát vát từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào cổ tay trái làm đứt rời bàn tay. D chém thêm 01 nhát nữa nhưng không trúng vào người anh H. Anh H hô hoán thì D cầm kiếm và tuýp sắt bỏ chạy ra ngoài.

Lực thấy D cầm kiếm và tuýp sắt chạy ra đã nổ máy xe, điều khiển xe mô tô chở D bỏ chạy. Đi được khoảng 30m vì L điều khiển xe chậm nên D bảo:

“Dừng lại, để tao chở”. D đưa kiếm, tuýp sắt cho L cầm, L tra kiếm vào vỏ kiếm. Sau đó D chở L về quán của anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990, ở thôn 6, xã A. L đưa kiếm và tuýp sắt cho D đi vào quán để gửi, còn L đứng ngoài chờ. Sau đó, D và L đi về nhà L ngủ.

Anh Hoàng Ngọc H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T. Sau đó anh H được chuyển đến Bệnh viện Trung ương quân đội 108, Hà Nội, điều trị từ ngày 08/01/2017 đến ngày 19/01/2017 và từ ngày 24/01/2017 đến ngày 24/02/2017 thì ra viện. Tại Bản Kết luận giám định pháp y số 14 ngày 10/01/2017 của Trung tâm Pháp y H Phòng kết luận: Anh Hoàng Ngọc H bị đứt rời hoàn toàn ngang khớp cổ bàn tay trái đã được phẫu thuật trồng lại cổ tay trái đang dần ổn định; Các vết xây xước da nông vùng cánh tay phải, ngực, hạ sườn phải đóng vảy khô. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng cổ tay gây nên là 45%; Các vết xây xước da nông đã đóng vảy khô, không có hướng dẫn tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong Thông tư hiện hành nên không có căn cứ áp dụng.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra phát hiện tại khu vực nhà vệ sinh: dưới nền có vết máu nhỏ giọt dạng bắn, chui, quệt; trên tường có vết máu dạng bắn tung tóe; trong chậu quần áo trong có nhiều vết máu dạng nhỏ giọt, bắn; khu vực tường bao trước cửa có nhiều vết máu dạng bắn nhỏ giọt; khu vực sân vi măng trước cửa: có nhiều vết máu dạng bắn, nhỏ giọt. Thu giữ tại vườn cây 01 tuýp sắt dài 107cm, đường kính 2,1cm, sáng màu, một đầu vát nhọn, 01 đầu bằng, trên thân tuýp có một số dấu vết màu nâu đỏ, kết luận giám định là máu của anh Hoàng Ngọc H.

Ngày 08/01/2017 Phạm Anh D đến Cơ quan công an đầu thú.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà anh Nguyễn Văn Phòng 01 kiếm (dạng kiếm Nhật) dài 96 cm, bằng kim loại sáng màu, lưỡi cong, mũi nhọn, chuôi kiếm bằng kim loại được cuốn dây vải màu đen, vỏ kiếm bằng nhựa màu đen; 01 tuýp sắt bằng kim loại sáng màu dài 72 cm, có dính tạp chất màu hồng, giám định có máu của anh Hoàng Ngọc H.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Anh D, Trần Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của Phạm Anh D phù hợp với lời khai của Trần Văn L; Kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/01/2017, Phạm Anh D có hành vi dùng kiếm bằng kim loại, dài 96 cm, lưỡi cong, mũi nhọn chém làm anh H bị thương, giảm 45% sức khỏe; Trần Văn L đã dùng xe mô tô chở Phạm Anh D giúp D cầm kiếm, tuýp sắt

đề D sử dụng chém gây thương tích cho anh Hoàng Ngọc H ảnh hưởng 45% sức khỏe.

Về dân sự: Anh Hoàng Ngọc H đề nghị Phạm Anh D, Trần Văn L phải bồi thường tổng số tiền là 497.000.000 đồng trong 02 đợt điều trị gồm các khoản sau: Tiền khám chữa bệnh là 63.417.004 đồng; Tiền bồi dưỡng khi nằm viện là 8.200.000 đồng; Tiền công người chăm sóc trong 41 ngày H nằm viện là 12.300.000 đồng; Tiền xe đi lại là 8.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập của H là 6.000.000 đồng; Tiền thiệt hại sức khỏe là 400.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Anh D đã nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007300 ngày 05/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H. Trần Văn L chưa bồi thường cho anh H.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 kiếm bằng kim loại dài 96 cm, lưỡi cong, sắc, mũi nhọn; 01 tuýp sắt dài 72cm, màu trắng, đường kính 2,5cm, trên thân tuýp bám dính tạp chất màu nâu đỏ; 01 tuýp sắt dài 107cm, đường kính 2,1cm, sáng màu, một đầu vát nhọn, 01 đầu bằng, trên thân tuýp có một số dấu vết màu nâu đỏ đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T quản lý.

Tại bản cáo trạng số 74/CT - VKS ngày 16/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố: Phạm Anh D, Trần Văn L về tội: Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này Mạc Thanh Th và Mạc Tuấn A có hành vi dùng tay, chân đánh Phạm Anh D gây thương tích nhẹ, D đã có đơn từ chối giám định thương tích, hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện T đã xử lý hành chính đối với T và Tuấn A.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 15G1-394.79 Công an thu giữ của Trần Văn L, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Văn Minh, sinh năm 1965, ở xã A, huyện T (bố đẻ của L). Ông Minh không biết L dùng xe để chở Phạm Anh D đến nhà anh Hoàng Ngọc H gây thương tích nên đã trả lại chiếc xe trên cho ông Minh.

Ngày 19/5/2017, Trần Văn L đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0007356 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H.

Tại phiên tòa, người bị hại là anh Hoàng Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phải liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích là 499.917.004 (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng, bao gồm các khoản sau: Tiền khám chữa bệnh là 63.417.004 đồng; tiền bồi dưỡng khi nằm viện là 8.200.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong 41 ngày H nằm viện là 12.300.000 đồng; tiền xe đi lại là

8.000.000 đồng; Tiền công mất thu nhập của anh H là 8.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 400.000.000 đồng. Cộng thành 499.917.004 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và xin Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại, các bị cáo cho rằng yêu cầu về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Anh D mức án tù (07) năm đến (08) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 09/01/2017.

- Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33, Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt Trần Văn L mức án tù (06) năm đến (07) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 588 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 27/2006/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc Hội về dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2017 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại các khoản sau chi phí thiệt hại sau: Tiền khám chữa bệnh là 63.417.004 đồng; tiền bồi dưỡng khi nằm viện là 8.200.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong thời gian anh H nằm viện là 12.300.000 đồng; tiền xe đi lại là 8.000.000 đồng; Tiền công mất thu nhập của anh H là 8.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 30 tháng lương cơ sở x 1.300.000 đồng/tháng = 39.000.000 đồng. Cộng thành 138.917.004 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến kiểm sát viên, ý kiến của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y đối với thương tích và nguyên nhân dẫn đến thương tích của anh Hoàng Ngọc H, phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 07/01/2015, Phạm Anh D đã thực hiện hành vi dùng tuýp sắt dài 72cm và 01 thanh kiếm bằng kim loại dài 96cm lưỡi cong, mũi nhọn (là hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự) chém nhiều nhát vào người anh Hoàng Ngọc H gây xước da ở cánh tay phải, ngực và phần bụng phía bên phải, anh H bỏ chạy vào nhà vệ sinh thì D tiếp tục đuổi theo chém 01 nhát vào cổ tay trái anh H làm đứt rời bàn tay. Sau đó D còn chém thêm 01 nhát nữa nhưng không trúng người anh H. Hành vi chủ động tấn công, gây thương tích cho người bị hại làm giảm 45% sức lao động chỉ vì một nguyên do nhỏ nhất của bị cáo là “có tính chất côn đồ” (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự). Bị cáo Trần Văn L tuy không trực tiếp gây thương tích cho anh H nhưng có hành vi dùng xe mô tô chở Phạm Anh D và giúp D cầm kiếm, tuýp sắt để D sử dụng hung khí gây thương tích cho anh H. Vì vậy, hành vi của các bị cáo D, L đã thoả mãn cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” vi phạm khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khoẻ của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xét xử mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Sau khi phạm tội, bị cáo D đã ra đầu thú và đã tác động đến gia đình để tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo L có ông nội được tặng Huy chương kháng chiến và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp 10.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho anh H nên bị cáo L được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là căn cứ để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm cần phân hóa vai trò của từng bị cáo làm cơ sở cho việc quyết định hình phạt. Trong vụ án này, bị cáo D giữ vai là người đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp gây nên các thương tích của người bị hại. Vì vậy, bị cáo D giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất. Bị cáo L tuy không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại nhưng tham gia với vai trò là người giúp sức nên có vai trò thấp hơn so với bị cáo D nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải thấp hơn so với bị cáo D.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Bị cáo D có nhân thân xấu, bị cáo L tuy chưa có tiền án, án tiền sự song tội phạm mà các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Thời gian bị cáo D bị tạm giữ, tạm giam trước đó được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về vật chứng: Hiện chi Cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý: 01 kiếm bằng kim loại dài 96 cm, lưỡi cong, sắc, mũi nhọn; 01 tuýp sắt dài 72cm, màu trắng, đường kính 2,5cm, trên thân tuýp bám dính tạp chất màu nâu đỏ; 01 tuýp sắt dài 107cm, đường kính 2,1cm, sáng màu, một đầu vát nhọn, 01 đầu bằng, trên thân tuýp có một số dấu vết màu nâu đỏ. Xét các hung khí nêu trên do bị cáo D sử dụng để thực hiện tội phạm và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Về dân sự: Người bị hại là anh Hoàng Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phải liên đới bồi thường các khoản chi phí thiệt hại sau: Tiền khám chữa bệnh là 63.417.004 đồng; tiền bồi dưỡng khi nằm viện là 8.200.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong 41 ngày H nằm viện là 12.300.000 đồng; tiền xe đi lại là 8.000.000 đồng; Tiền công mất thu nhập của anh H là 8.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 499.917.004 (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng.

Xét yêu cầu của người bị hại thấy đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tại phiên tòa người bị hại và các bị cáo không tự thỏa thuận được về các khoản chi phí thiệt hại. Căn cứ quy định tại các Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 588 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015; tinh thần của mục I, tiểu mục 1 của mục II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 27/2006/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc Hội về dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản chi phí thiệt hại như sau:

Tiền khám chữa bệnh là 63.417.004 đồng; tiền bồi dưỡng khi nằm viện là 8.200.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong thời gian anh H nằm viện là 12.300.000 đồng; tiền xe đi lại là 8.000.000 đồng; Tiền công mất thu nhập của anh H là 8.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 30 tháng lương cơ sở x 1.300.000 đồng/tháng = 39.000.000 đồng. Cộng thành 138.917.004 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng.

Do vậy, buộc các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H tổng số tiền là 138.917.004 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh H 69.458.502 đồng. Số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại cho anh H trước đó được khấu trừ vào số tiền phải bồi thường thiệt hại. Cụ thể, bị cáo D, bị cáo L mỗi bị cáo đã nộp bồi thường cho người bị hại là anh H 10.000.000 (Mười triệu đồng). Vì vậy, mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho anh H 59.458.502 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- *Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Phạm Anh D 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 09/01/2017.

- *Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt: Trần Văn L 6 (Sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 588 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015; tinh thần của Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 27/2006/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc Hội về dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2017;

Xử: Các bị cáo Phạm Anh D, Trần Văn L phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H số tiền 138.917.004 (Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn không trăm linh bốn) đồng. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H 69.458.502 (Sáu mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm linh hai) đồng.

Bị cáo Phạm Anh D đ- ợc khấu trừ 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007300 ngày 05/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H Phòng. Bị cáo Phạm Anh D còn phải bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H số tiền là 59.458.502 (Năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm linh hai) đồng.

Bị cáo Trần Văn L được khấu trừ 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0007356 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H Phòng. Bị cáo Trần Văn L còn phải bồi thường cho anh Hoàng Ngọc H số tiền là 59.458.502 (Năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm linh hai) đồng.

Sau khi bản án có hiệu L pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải bồi thường, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tuyên: Tịch thu tiêu hủy: 01 kiếm bằng kim loại dài 96 cm, lưỡi cong, sắc, mũi nhọn; 01 tuýp sắt dài 72cm, màu trắng, đường kính 2,5cm, trên thân tuýp bám dính tạp chất màu nâu đỏ; 01 tuýp sắt dài 107cm, đường kính 2,1cm, sáng màu, một đầu vát nhọn, 01 đầu bằng, trên thân tuýp có một số dấu vết màu nâu đỏ (Các vật chứng có đặc điểm đợc mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Về án phí:

Bị cáo Phạm Anh D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.472.925 (Ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.472.925 (Ba triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt đ- ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng
- VKSND huyện Thủy Nguyên
- THA huyện Thủy Nguyên
- Ng- ời tham gia tố tụng
- Bị cáo
- Sở t- pháp TP Hải Phòng
- PV27 CA Hải Phòng
- L- u Toà, hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L- ồng Ngọc Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thu Hà Hoàng Đức Cảnh

L- ơng Ngọc Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chương Hoàng Đức Cảnh

L- ơng Ngọc Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chương Hoàng Đức Cảnh

Lương Ngọc Anh

